

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 – HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **61/2026/DS-ST**

Ngày: 28/04/2026

V/v: Tranh chấp Hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Công Hách

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Minh Phương

Bà Nguyễn Thị Cờ

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Ngọc Long – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Hà Nội.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 – Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Phạm Hà Thanh – Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 28 tháng 04 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 2791/2025/TLST-DS ngày 26 tháng 11 năm 2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2026/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 03 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 68/2026/QĐST-DS ngày 03 tháng 04 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP N (V)

Địa chỉ trụ sở chính: Số A T, phường L, quận H, thành phố Hà Nội (nay là phường H, thành phố Hà Nội).

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thanh T – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Pháp nhân đại diện theo ủy quyền: Ngân hàng TMCP N – Chi nhánh H

Địa chỉ trụ sở chi nhánh: Tầng 1 đến Tầng E, số A C, phường V - Q, quận Đ, thành phố Hà Nội (nay là phường Ô, Thành phố Hà Nội);

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Ngọc T1 – Chức vụ: Giám đốc (Theo Giấy ủy quyền số 1053/UQ-VCB-PCS ngày 22/08/2024 của Người đại diện theo pháp luật Ngân hàng TMCP N);

Người đại diện theo ủy quyền tố tụng: ông Đâu Hoàng A và bà Nguyễn Thị Thanh T2 – Ngân hàng TMCP N – Chi nhánh H (Theo Giấy ủy quyền số 186/UQ-VCBHN-HCNS ngày 18/11/2025 của ông Lê Ngọc T1); Địa chỉ: Tầng A đến Tầng E, số A C, phường Q, quận Đ, thành phố Hà Nội (nay là phường Ô, thành phố Hà Nội). (Có mặt bà T2, vắng mặt ông Hoàng A).

- Bị đơn: Ông [Phạm Bá D](#), sinh năm 1984
Nơi đăng ký HKTT: 16 [ngách C C, phường Ô, Thành phố Hà Nội](#);
Nơi ở hiện nay: [số B, ngõ A T, T, Hà Nội \(nay là phường P, Thành phố Hà Nội](#).
(Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các văn bản tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của [Ngân hàng TMCP N \(V\)](#) trình bày:

[Ngân hàng TMCP N – Chi nhánh H](#) (sau đây gọi tắt là “VCB – [Chi nhánh H](#)”) và ông [Phạm Bá D](#) đã ký Yêu cầu phát hành thẻ tín dụng quốc tế [V](#) kèm Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế [V](#) ngày 21/08/2018 theo hình thức Tín chấp. Thông tin cụ thể như sau:

a, Loại thẻ phát hành: VisaCard Emv Gold (số tài khoản thẻ: **V0020000584**)
Tổng hạn mức thẻ được cấp: **100,000,000 VNĐ** (Bằng chữ: Một trăm triệu đồng)
b, Loại thẻ phát hành: Amex Green (số tài khoản thẻ: **A0020000289**)
Tổng hạn mức thẻ được cấp: **20.000.000 VNĐ** (Bằng chữ: Hai mươi triệu đồng)
c, Lãi suất cho vay: lãi suất áp dụng cho chủ thẻ được quy định trong Biểu phí và lãi thẻ tín dụng quốc tế công bố chính thức trên [T3](#) thông tin điện tử chính thức của Ngân hàng (website:) theo từng thời kỳ.

Biện pháp bảo đảm: Tín chấp

Trong khoảng thời gian sau khi phát hành thẻ tín dụng và cho đến kỳ sao kê tháng 01/2019, khách hàng trả nợ bình thường. Từ tháng 02//2019, ông [Phạm Bá D](#) đã không thanh toán sao kê và phát sinh nợ quá hạn thẻ tín dụng tại VCB – [Chi nhánh H](#). Ngân hàng xác định **tính đến ngày 27/04/2026**, dư nợ thẻ tín dụng của ông [Phạm Bá D](#) tại [Ngân hàng TMCP N – Chi nhánh H](#) cụ thể là:

a, Thẻ **V0020000584**+ Nợ gốc: 98,656,493 VNĐ
+ Nợ lãi: 124,501,227 VNĐ
Tổng cộng: **223,157,720 VNĐ** (Bằng chữ: Hai trăm hai mươi ba triệu, một trăm bốn mươi bảy nghìn, bảy trăm hai mươi đồng).

b, Thẻ **A0020000289**
+ Nợ gốc: 17,320,724 VNĐ
+ Nợ lãi: 26,576,296 VNĐ
Tổng cộng: **43,897,020 VNĐ** (Bằng chữ: Bốn mươi ba triệu, tám trăm chín mươi bảy nghìn, không trăm hai mươi đồng). Theo Bảng kê tính gốc + lãi thẻ tín dụng do Ngân hàng cung cấp ngày 28/04/2026.

Tổng cộng: 267,054,740 đồng (Bằng chữ: Hai trăm sáu mươi bảy triệu, không trăm năm mươi tư nghìn, bảy trăm bốn mươi đồng).

Khoản nợ của ông [Phạm Bá D](#) hiện đang được phân loại nợ xếp vào nhóm 5 – Nợ có khả năng mất vốn.

Ngân hàng đã cố gắng liên hệ bằng nhiều hình thức: gọi điện, nhắn tin, gửi thư, đến cơ quan, đến nhà để nhắc nợ, ... để yêu cầu ông [Phạm Bá D](#) thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo Yêu cầu phát hành thẻ tín dụng quốc tế [V](#) kèm Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế [V](#) ký ngày 21/08/2018. Tuy nhiên, tính đến nay ông [Phạm Bá D](#) kể từ thời điểm phát sinh nợ quá hạn vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả toàn bộ nợ gốc và nợ lãi quá hạn cho [Ngân hàng V](#), liên tiếp vi phạm nghĩa vụ đã cam kết với [V](#), có tình không hợp tác, không thực hiện nghĩa vụ trả nợ làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của [V](#) gây khó khăn lớn cho công tác thu hồi vốn của Nhà nước và quá trình xử lý, thu hồi nợ của [Ngân hàng V](#). Các thông báo nhắc nợ như sau:

- + Ngày 06/09/2019: Ngân hàng gửi thông báo nhắc nợ lần 1 tới ông [Phạm Bá D](#)
- + Ngày 10/12/2019: Ngân hàng gửi thông báo nhắc nợ lần 2 tới ông [Phạm Bá D](#)
- + Ngày 31/10/2023: Ngân hàng gửi thông báo nhắc nợ lần 3 tới ông [Phạm Bá D](#)
- + Ngày 30/10/2023: Ngân hàng xin xác nhận tình trạng cư trú của [Công an phường C](#) đối với ông [Phạm Bá D](#)

- + Ngày 26/10/2022: Ngân hàng gửi biên bản làm việc tới ông [Phạm Bá D](#)
- + Ngày 16/03/2023: Ngân hàng gửi biên bản làm việc tới ông [Phạm Bá D](#)
- + Ngày 31/03/2023: Ngân hàng gửi biên bản làm việc tới ông [Phạm Bá D](#)

Để đảm bảo quyền lợi hợp pháp, [Ngân hàng TMCP N](#) thông qua [Ngân hàng TMCP N – Chi nhánh H](#) yêu cầu Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Hà Nội giải quyết những yêu cầu sau:

1. Tuyên buộc ông [Phạm Bá D](#) phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho [Ngân hàng TMCP N – Chi nhánh H](#) toàn bộ số tiền gốc, lãi thẻ tín dụng **tam tính đến ngày 27/04/2026** (do tiền lãi vẫn tiếp tục phát sinh) là: **267,054,740 đồng (Bằng chữ: Hai trăm sáu mươi bảy triệu, không trăm năm mươi tư nghìn, bảy trăm bốn mươi đồng)**, cụ thể:

a, Thẻ **V0020000584**

+ Nợ gốc: 98,656,493 VNĐ

+ Nợ lãi: 124,501,227 VNĐ

b, Thẻ **A0020000289**

+ Nợ gốc: 17,320,724 VNĐ

+ Nợ lãi: 26,576,296 VNĐ

2. Tuyên buộc ông [Phạm Bá D](#) phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại Yêu cầu phát hành thẻ tín dụng quốc tế [V](#) kèm Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế [V](#) ký ngày 21/08/2018, kể từ ngày 28/04/2026 cho đến ngày thực tế ông [Phạm Bá D](#) trả hết nợ gốc cho [Ngân hàng V](#).

3. **T4** nếu ông [Phạm Bá D](#) không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi bản án/quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì [Ngân hàng V](#) thông qua [Ngân hàng V – Chi nhánh H](#) có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu sử dụng của ông [Phạm Bá D](#) để thu hồi nợ

theo quy định của pháp luật. Về án phí: [Ngân hàng TMCP N](#) đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ngoài các nội dung trên, Ngân hàng không yêu cầu Tòa án giải quyết yêu cầu gì khác.

Quá trình tiến hành giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo cho ông [Phạm Bá D](#) biết Tòa án đã thụ lý vụ án “*Tranh chấp Hợp đồng tín dụng*” theo đơn khởi kiện của [Ngân hàng TMCP N \(V\)](#) đối với ông [Phạm Bá D](#) và triệu tập ông [Phạm Bá D](#) đến Tòa án để giải quyết vụ án, nhưng ông [D](#) không đến Tòa thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng dân sự giải quyết vụ án. Tại Yêu cầu phát hành thẻ tín dụng quốc tế [V](#) kiêm Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế [V](#) ngày 21/08/2018, ông [Phạm Bá D](#) có nêu địa chỉ nơi đăng ký Hộ khẩu thường trú là số 16 [ngách C C, phường Ô, Thành phố Hà Nội](#) và địa chỉ nơi ở hiện tại là [số B, ngõ A T, quận T, Thành phố Hà Nội \(nay là phường P, Thành phố Hà Nội\)](#). Quá trình giải quyết vụ án, thư ký nghiệp vụ đã tiến hành tổng đạt văn bản của Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Hà Nội cho ông [Phạm Bá D](#) tại cả hai địa chỉ trên. Tuy nhiên, thực tế tổng đạt và trao đổi với đại diện Tổ dân phố, ông [Phạm Bá D](#) đã chuyển đi từ lâu, nên việc tổng đạt không thành. Tòa án cũng đã gửi Công văn yêu cầu [Công an phường Ô](#) và [Công an phường P](#) cung cấp thông tin cư trú của ông [D](#), song cho đến nay không nhận được phản hồi. Theo quy định tại khoản 3 Điều 40 Bộ luật Dân sự năm 2015 và điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì việc ông [Phạm Bá D](#) chuyển đi nơi khác, không còn cư trú tại địa chỉ được ghi trong Yêu cầu phát hành thẻ tín dụng quốc tế [V](#) kiêm Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế [V](#) ngày 21/08/2018 thì ông [D](#) phải có nghĩa vụ thông báo cho [Ngân hàng TMCP N – Chi nhánh H](#) biết về việc thay đổi địa chỉ cư trú. Việc ông [D](#) thay đổi địa chỉ cư trú mà không thông báo cho Ngân hàng được coi là cố tình che giấu địa chỉ cư trú nên theo quy định của pháp luật Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Hà Nội đã tiến hành niêm yết các thông báo, giấy triệu tập và quyết định của Tòa án tại nơi đăng ký Hộ khẩu thường trú của ông [D](#) tại [số A ngách C C, phường Ô, Thành phố Hà Nội](#) và địa chỉ cư trú cuối cùng là [số B, ngõ A T, quận T, Thành phố Hà Nội \(nay là phường P, Thành phố Hà Nội\)](#). Vì vậy, Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Hà Nội căn cứ vào các quy định của pháp luật ra quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện [Ngân hàng TMCP N](#) vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Hà Nội buộc ông [Phạm Bá D](#) thanh toán cho Ngân hàng toàn bộ số tiền gốc, lãi thẻ tín dụng của 02 thẻ tín dụng (Thẻ V0020000584 và Thẻ A0020000289) tạm tính đến ngày 27/04/2026 là: **267,054,740 đồng (Bằng chữ: Hai trăm sáu mươi bảy triệu, không trăm năm mươi tư nghìn, bảy trăm bốn mươi đồng)**, trong đó nợ gốc: 115,977,217 đồng, nợ lãi: 151,077,523 đồng. Ông [Phạm Bá D](#) phải tiếp tục trả lãi phát sinh kể từ ngày 29/04/2026 cho đến ngày thực tế ông [Phạm Bá D](#) trả hết nợ gốc cho [Ngân hàng V – Chi nhánh H](#).

Tại phiên tòa hôm nay, ông [Phạm Bá D](#) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 – Hà Nội tham gia phiên tòa có ý kiến:

Về tố tụng: Quá trình Tòa án tiến hành thụ lý vụ án cho đến khi quyết định đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử đã tiến hành tố tụng theo đúng các quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật khi tham gia tố tụng.

Về nội dung: Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 – Hà Nội nhận định, đánh giá tính hợp pháp của Yêu cầu phát hành thẻ tín dụng quốc tế [V](#) kiêm Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế [V](#) ngày 21/08/2018 giữa [Ngân hàng TMCP N](#) và ông [Phạm Bá D](#); đồng thời có ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của [Ngân hàng V – Chi nhánh H](#), buộc ông [Phạm Bá D](#) có trách nhiệm thanh toán trả cho [Ngân hàng TMCP V1](#) toàn bộ số tiền nợ gốc và nợ lãi của 02 thẻ tín dụng (Thẻ V0020000584 và Thẻ A0020000289) tạm tính đến ngày 27/04/2026 là: **267,054,740 đồng (Bằng chữ: Hai trăm sáu mươi bảy triệu, không trăm năm mươi tư nghìn, bảy trăm bốn mươi đồng)**, trong đó nợ gốc: 115,977,217 đồng, nợ lãi: 151,077,523 đồng. Ông [Phạm Bá D](#) phải tiếp tục trả lãi phát sinh kể từ ngày 28/04/2026 cho đến ngày thực tế ông [Phạm Bá D](#) trả hết nợ gốc cho [Ngân hàng V – Chi nhánh H](#). Ông [D](#) phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Chấp nhận yêu cầu tuyên khi án có hiệu lực pháp luật ông [Phạm Bá D](#) không thanh toán được khoản tiền nợ gốc, lãi nêu trên thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu sử dụng của ông [D](#) để thu hồi nợ. Ông [Phạm Bá D](#) phải chịu án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ yêu cầu khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật trong vụ án dân sự này là “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng” theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại Điều 11 mục 11.3 về luật điều chỉnh, giải quyết tranh chấp của Yêu cầu phát hành thẻ tín dụng quốc tế [V](#) kiêm Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế [V](#) ký ngày 21/08/2018 hai bên thỏa thuận thẩm quyền giải quyết là Tòa án nhân dân có thẩm quyền nơi [Ngân hàng TMCP N – Chi nhánh H](#) có trụ sở tại thời điểm nộp đơn khởi kiện. [Ngân hàng TMCP N – Chi nhánh H](#) có địa chỉ trụ sở tại: [Tầng A đến Tầng E, số A C, phường Q, quận Đ, thành phố Hà Nội \(nay là phường Ô, Thành phố Hà Nội\)](#). Thỏa thuận trên là phù hợp với thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân các cấp quy

định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do vậy, Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Hà Nội thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng yêu cầu ông [Phạm Bá D](#) đến tham gia phiên tòa, thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng giải quyết vụ án nhưng ông [D](#) nhiều lần vắng mặt. Tại phiên tòa hôm nay, ông [D](#) đã được triệu tập hợp lệ những vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Do vậy, việc Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông [Phạm Bá D](#) là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Xét thấy, Yêu cầu phát hành thẻ tín dụng quốc tế [V](#) kiêm Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế [V](#) ký ngày 21/08/2018 giữa [Ngân hàng TMCP N – Chi nhánh H](#) và ông [Phạm Bá D](#) được các bên ký kết trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, vì vậy xác định là Hợp đồng hợp pháp có hiệu lực thi hành với các bên. Ông [D](#) được cấp thẻ tín dụng VisaCard Emv Gold (số tài khoản thẻ: V0020000584) với hạn mức 100.000.000 đồng và thẻ tín dụng Amex Green (số tài khoản thẻ: A0020000289) với hạn mức 20.000.000 đồng. Khoản nợ của ông [Phạm Bá D](#) hiện đang được phân loại nợ xếp vào nhóm 5 – Nợ có khả năng mất vốn. Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu ông [D](#) thực hiện nghĩa vụ trả nợ thông qua các thông báo nhắc nợ và biên bản làm việc, nhưng ông [D](#) vẫn không thực hiện việc trả nợ. Do đó, Ngân hàng đề nghị Tòa án giải quyết, buộc ông [D](#) phải thanh toán trả Ngân hàng toàn bộ số tiền nợ gốc, lãi thẻ tín dụng nêu trên.

[3.1]. Xét yêu cầu thanh toán số tiền nợ gốc của thẻ tín dụng V0020000584 và thẻ tín dụng A0020000289 là **115,977,217 đồng (Bằng chữ: Một trăm mười lăm triệu, chín trăm bảy mươi bảy nghìn, hai trăm mười bảy đồng)** của [Ngân hàng V – Chi nhánh H](#) đối với ông [Phạm Bá D](#), Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ vào Yêu cầu phát hành thẻ tín dụng quốc tế [V](#) kiêm Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế [V](#) ký ngày 21/08/2018, các thông báo nhắc nợ và bảng kê tính gốc + lãi thẻ tín dụng do Ngân hàng cung cấp ngày 28/04/2026 nhận thấy ông [Phạm Bá D](#) sử dụng 02 thẻ tín dụng theo Hợp đồng phát hành thẻ tín dụng quốc tế [V](#) với số tiền nợ gốc 115,977,217 đồng (trong đó, thẻ V0020000584: 98,656,493 đồng; và Thẻ A0020000289: 17,320,724 đồng) nhưng cho đến nay ông [D](#) chưa thanh toán cho Ngân hàng. Việc [Ngân hàng V – Chi nhánh H](#) yêu cầu ông [D](#) thanh toán số tiền nợ gốc là **115,977,217 đồng (Bằng chữ: Một trăm mười lăm triệu, chín trăm bảy mươi bảy nghìn, hai trăm mười bảy đồng)** là phù hợp với quy định tại Điều 2 của Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế (bao gồm Yêu cầu phát hành thẻ tín dụng quốc tế ký ngày 21/08/2018 và các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ). Do vậy, [Ngân hàng TMCP N](#) đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông [Phạm Bá D](#) phải thanh toán trả Ngân hàng số tiền nợ gốc trên là có căn cứ chấp nhận và phù hợp với quy định của pháp luật/

[3.2]. Xét yêu cầu thanh toán số tiền nợ lãi của Hợp đồng phát hành thẻ tín dụng quốc tế [V](#) tạm tính đến ngày 27/04/2026 là **151,077,523 đồng (Bằng chữ: Một trăm**

năm mười một triệu, không trăm bảy mươi bảy nghìn, năm trăm hai mươi ba đồng) của [Ngân hàng V](#) – [Chi nhánh H](#) đối với ông [Phạm Bá D](#).

Căn cứ điểm f mục 3.1 Điều 3 Hợp đồng phát hành thẻ tín dụng quốc tế [V](#) quy định Ngân hàng được quyền chuyển dư nợ thẻ của chủ thẻ thành nợ quá hạn và thực hiện phân loại nợ theo quy định của [Ngân hàng N1](#). Trong khoảng thời gian sau khi phát hành thẻ và cho đến kỳ sao kê tháng 01/2019, ông [D](#) trả nợ bình thường. Từ tháng 02/2019, ông [Phạm Bá D](#) đã không thanh toán sao kê và phát sinh nợ quá hạn thẻ tín dụng tại [Ngân hàng V](#) – [Chi nhánh H](#). Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở nhưng ông [D](#) không trả nợ và khoản nợ của ông [D](#) hiện đang được xếp vào nhóm 5 – Nợ có khả năng mất vốn. Việc Ngân hàng chấm dứt quyền sử dụng thẻ của ông [D](#) và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn là đúng quy định của hợp đồng và phù hợp với các quy định của pháp luật về lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng được sửa đổi, bổ sung năm 2010, Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao hướng dẫn về áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Tính đến ngày 27/04/2026, ông [D](#) còn nợ Ngân hàng số tiền lãi suất quá hạn của 02 thẻ tín dụng là 151,077,523 đồng (Trong đó, thẻ V0020000584: 124,501,227 đồng; và thẻ A0020000289: 26,576,296 đồng). Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của [Ngân hàng V](#) – [Chi nhánh H](#) buộc ông [Phạm Bá D](#) phải thanh toán số tiền nợ lãi quá hạn tạm tính đến ngày 27/04/2026 là: **151,077,523 đồng (Bằng chữ: Một trăm năm mươi một triệu, không trăm bảy mươi bảy nghìn, năm trăm hai mươi ba đồng).**

Như vậy, ông [Phạm Bá D](#) phải thanh toán cho [Ngân hàng TMCP N](#) – [Chi nhánh H](#) tổng số tiền nợ gốc và nợ lãi của 02 thẻ tín dụng là: **267,054,740 đồng (Bằng chữ: Hai trăm sáu mươi bảy triệu, không trăm năm mươi tư nghìn, bảy trăm bốn mươi đồng).**

Về án phí: [Ngân hàng TMCP N](#) – [Chi nhánh H](#) được chấp nhận yêu cầu nên không phải chịu án dân sự sơ thẩm. Ông [Phạm Bá D](#) phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải thanh toán theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 – Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về hướng giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 146, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào Điều 91; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.
- Căn cứ các Điều 463, 466 và khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn về áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của [Ngân hàng TMCP N – Chi nhánh H](#) đối với ông [Phạm Bá D](#) về việc thanh toán số tiền chậm trả theo Yêu cầu phát hành thẻ tín dụng quốc tế [V](#) kèm Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế [V](#) ký ngày 21/08/2018.

Xác nhận ông [Phạm Bá D](#) còn nợ [Ngân hàng TMCP N – Chi nhánh H](#) số tiền tạm tính đến ngày 27/04/2026 là: 267,054,740 đồng (Bằng chữ: Hai trăm sáu mươi bảy triệu, không trăm năm mươi tư nghìn, bảy trăm bốn mươi đồng), trong đó nợ gốc: 115,977,217 đồng, nợ lãi quá hạn: 151,077,523 đồng.

Buộc ông [Phạm Bá D](#) phải thanh toán cho [Ngân hàng TMCP N – Chi nhánh H](#) toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi là **267,054,740 đồng (Bằng chữ: Hai trăm sáu mươi bảy triệu, không trăm năm mươi tư nghìn, bảy trăm bốn mươi đồng).**

[2]. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xử án sơ thẩm, ông [Phạm Bá D](#) phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Yêu cầu phát hành thẻ tín dụng quốc tế [V](#) kèm Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế [V](#) ngày 21/08/2018 giữa [Ngân hàng TMCP N](#) và ông [Phạm Bá D](#) tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

[3]. Về án phí: [Ngân hàng V – Chi nhánh H](#) được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả [Ngân hàng V – Chi nhánh H](#) số tiền 6.459.636 đồng (Sáu triệu, bốn trăm năm mươi chín nghìn, sáu trăm ba mươi sáu đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0017616 ngày 25/11/2025 tại Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 2 – Hà Nội.

Ông [Phạm Bá D](#) phải chịu 13,352,737 đồng (Mười ba triệu, ba trăm năm mươi hai nghìn, bảy trăm ba mươi bảy đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt đại diện của nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Nguyên đơn [Ngân hàng TMCP N](#) có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn ông [Phạm Bá D](#) vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Dương sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND Khu vực 2 – Hà Nội;
- TAND Thành phố Hà Nội;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TAND KHU VỰC 2



**ZDA280426.TL.QDBA
1559**

Trần Công Hách